

Số: 321/2025/QĐST-LĐ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 12 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH  
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG**

**V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***Thành phần giải quyết việc lao động gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp:*** Ông Vũ Linh.

***Thư ký phiên họp:*** Ông Phạm Anh Ly - Thư ký Tòa án.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp:*** Bà Nguyễn Ngọc Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số: 444/2025/LĐ-ST ngày 15 tháng 12 năm 2025 về việc “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số: 283/2025/QĐST-LĐ ngày 25 tháng 12 năm 2025, những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu:* Ông Lê Văn N, sinh năm: 1964; địa chỉ: Khu phố P, phường P, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bảo hiểm xã hội cơ sở Dĩ An - Thành phố H; Địa chỉ: Đường T, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Dương Văn T, sinh năm 1988, Địa chỉ: Đường T, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh, (văn bản ủy quyền ngày 25/12/2025), vắng mặt có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Công ty cổ phần D; Địa chỉ: Ô lô D, khu dân cư Đ, phường T, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Minh T1, chức vụ Giám đốc.

Vắng mặt, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

**NỘI DUNG VIỆC LAO ĐỘNG:**

- *Theo đơn yêu cầu giải quyết việc lao động và lời khai trong quá trình giải quyết ông Lê Văn N trình bày:*

Tháng 10/2015 đến tháng 01/2016 có người đã sử dụng thông tin của ông N để ký kết hợp đồng lao động với công ty cổ phần D, được công ty đóng bảo hiểm xã hội số 7415064120. Đồng thời gian đó, ông N giao kết hợp đồng lao động với công ty C và tham gia bảo hiểm số 54134004701. Do đó, ông N bị trùng thời gian tham gia bảo hiểm từ tháng 10/2015 đến tháng 01/2016.

Nay ông N yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên hợp đồng lao động giữa ông Lê Văn N và công ty cổ phần D vô hiệu từ tháng 10/2015 đến tháng 01/2016. Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu ông N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

*- Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thành phố D, tỉnh Bình Dương, anh Dương Văn T trình bày:*

Qua kiểm tra đối chiếu dữ liệu tham gia bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) của công ty cổ phần D cho người lao động thì công ty có tham gia BHXH, BHYT, BHTN cho ông Lê Văn N, sinh năm 1964 số CCCD 054064013446, với mã số BHXH 7415064120 có quá trình tham gia BHXH từ tháng 10/2015 đến tháng 01/2016 đã chốt sổ và chưa nhận trợ cấp BHXH một lần.

Qua kiểm tra dữ liệu, ông N còn có mã số BHXH 54134004701 có quá trình tham gia BHXH từ tháng 12/2015 đến tháng 04/2017 tại công ty C.

Về đề nghị yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu giữa ông N và công ty cổ phần D, đề nghị Tòa án Nhân dân thành phố Căn cứ theo Điều 9, Điều 10, Điều 11 của Nghị định số 145/2020/NĐ-CP quy định về việc xử lý hợp đồng lao động vô hiệu để tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu.

Về hợp đồng lao động, giấy tờ tùy thân của ông N, BHXH không có lưu trữ những hồ sơ này.

*- Người đại diện theo pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan công ty cổ phần D, ông Võ Minh T1 trình bày:*

Ông Lê Văn N vào làm việc tại công ty vào ngày 22/12/2024, ký kết hợp đồng chính thức vào ngày 01/10/2015 đến ngày 31/9/2026 sau đó ông N tự ý bỏ việc. Căn cứ theo hợp đồng thì ông N đã vi phạm hợp đồng lao động vì vậy hợp đồng lao động giữa công ty và ông N đã vô hiệu. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

*- Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc lao động và đề nghị:* Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Thư ký phiên họp và đương sự đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: Xét thấy, yêu cầu của ông Lê Văn N là có căn cứ, đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Người yêu cầu ông Lê Văn N, người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội cơ sở Dĩ An - Thành phố H và công ty cổ phần D, vắng mặt có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2] Xem xét yêu cầu của đương sự: Căn cứ số bảo hiểm xã hội của ông Lê Văn N, công văn số 712/BHXXH-QLT ngày 25/11/2025 và lời khai của các đương sự quá trình tố tụng, thống nhất trong thời gian khoảng từ tháng 10/2015 đến tháng 01/2016, người khác đã lấy thông tin cá nhân của ông Lê Văn N để ký hợp đồng lao động với công ty cổ phần D và được công ty T2, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp với mã số bảo hiểm xã hội số 7415064120. Đồng thời gian đó, ông N giao kết hợp đồng lao động với công ty C và tham gia bảo hiểm số 54134004701.

Xét thấy, ai khác lấy thông tin cá nhân của ông Lê Văn N để giao kết hợp đồng lao động là hành vi lừa dối về mặt chủ thể khi xác lập giao dịch dân sự, vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau khi xác lập quan hệ lao động. Do đó, việc ông N yêu cầu tuyên vô hiệu hợp đồng lao động giữa ông Lê Văn N (thực tế người khác) và công ty cổ phần D là vô hiệu là có căn cứ theo quy định tại Điều 136, 142 Bộ luật Dân sự năm 2005. Căn cứ công văn số 712/BHXXH-QLT ngày 25/11/2025 của Bảo hiểm xã hội cơ sở Dĩ An thể hiện, ông N bị trùng thời gian đóng bảo hiểm từ tháng 10/2015 đến tháng 01/2016. Do đó, ông N yêu cầu tuyên vô hiệu hợp đồng lao động được ký kết giữa ông Lê Văn N (thực tế người khác) và công ty cổ phần D là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Các đương sự xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Sau khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, người lao động có quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để được giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định.

[4] Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung việc lao động, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên họp là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Về lệ phí: Ông Lê Văn N là người yêu cầu sinh năm 1964 thuộc diện người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 33; điểm d khoản 2 Điều 35; điểm v khoản 2 Điều 39; Điều 146; Điều 149; Điều 361; Điều 366; Điều 367; Điều 370; Điều 371; Điều 372; Điều 401 và Điều 402 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 136, 142 Bộ luật Dân sự năm 2005.

- Căn cứ khoản 1 Điều 17; khoản 2 Điều 19; Điều 50; Điều 51 và Điều 52 của Bộ luật Lao động năm 2012;

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm,

thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc lao động của ông Lê Văn N.

- Tuyên bố hợp đồng lao động giữa ông Lê Văn N và công ty cổ phần D (theo sổ bảo hiểm xã hội số 7415064120) bị vô hiệu.

- Xác định người lao động theo sổ bảo hiểm xã hội số 7415064120 không phải là ông Lê Văn N, sinh năm 1964, giới tính: Nam, quốc tịch: Việt Nam, căn cước công dân số: 054064013446. Ông Lê Văn N được quyền liên hệ với C1 có thẩm quyền để tiến hành thủ tục cải chính thông tin tại sổ bảo hiểm xã hội mã số 7415064120.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: Người yêu cầu Ông Lê Văn N là người cao tuổi (sinh năm 1964) nên được miễn án phí.

3. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết trong thời hạn 10 (mười) ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Hồ sơ;
- Lưu./.

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỢP**

**Vũ Linh**